

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN S  
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2023/HNGĐ-ST  
Ngày 15-5-2023  
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Cường.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Văn Vượng.

2. Ông Ma Quốc Thể.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Trần Thị Minh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Hữu Trí – Kiểm sát viên.

Ngày 15/5/2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 528/2022/TLST-HNGĐ ngày 28/11/2022 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 24/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn N** – Sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Thôn K, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Vũ Thị T** – Sinh năm: 1997.

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo Đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Trần Văn N có quan điểm trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị T trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại thôn K, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do

bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình; vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau; chị T đi làm công ty, ít về thăm nhà và không quan tâm đến gia đình, chồng con. Vợ, chồng anh N, chị T đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Anh N xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị T ly hôn với nhau để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh N, chị T có một con chung.

Cháu Trần Thu C – Sinh ngày: 28/8/2018.

Sau khi ly hôn, anh N có quan điểm sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu C đến khi cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Trần Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo Bản tự khai, bị đơn chị Vũ Thị T có quan điểm trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh N trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại thôn K, xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và kinh tế gia đình; vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau; cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, không có lối thoát. Chị T đã sống ly thân với anh N và chuyển về sinh sống tại nhà mẹ đẻ của chị T tại thôn An Mỹ, xã Vân Sơn, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị T xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên chị nhất trí với đơn xin ly hôn của anh N, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh N ly hôn với nhau để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T, anh N có một con chung.

Cháu Trần Thu C – Sinh ngày: 28/8/2018.

Sau khi ly hôn, chị T có quan điểm sẽ giao cháu C cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Vũ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của anh Trần Văn N đối với chị Vũ Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Trần Văn N và chị Vũ Thị T ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Trần Thu C – Sinh ngày: 28/8/2018 cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 15/5/2023. Chị Vũ Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vũ Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề nghị xem xét, giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết.**

- Về quan hệ tranh chấp: Anh Trần Văn N và chị Vũ Thị T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên anh N khởi kiện về việc xin ly hôn với chị T và yêu cầu giải quyết về con chung. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Do đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Vũ Thị T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang và sinh sống tại xã Vân Sơn, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Tuyên Quang theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về quan hệ hôn nhân:** Anh Trần Văn N và chị Vũ Thị T xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo đúng các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày 23/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân với nhau. Lý do mâu thuẫn là

do vợ, chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong việc làm ăn kinh tế, vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh N và chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn.

HĐXX thấy rằng, thực tế tình trạng hôn nhân giữa anh N và chị T cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, mâu thuẫn đã kéo dài, không thể khắc phục được nữa, vợ chồng ly thân với nhau đã lâu nhưng anh N và chị T cũng không thể hòa giải, hàn gắn để quay về chung sống với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N đối với chị T là có căn cứ.

**[3] Về con chung:** Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh N và chị T có một con chung.

Cháu Trần Thu C – Sinh ngày: 28/8/2018.

Anh N và chị T đều có nguyện vọng, giao cháu C cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

HĐXX nhận thấy: Cháu C đang ở độ tuổi rất cần sự quan tâm, giáo dục một cách thường xuyên của cha, mẹ để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về thể chất, tinh thần, sức khỏe và nhân cách. Từ khi sống ly thân với nhau, cháu C sinh sống cùng anh N. Quá trình nuôi con, anh N không vi phạm nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của con. Anh N có nơi cư trú rõ ràng; công việc, thu nhập ổn định, vẫn đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung ăn học đầy đủ nên đảm bảo được về thời gian, điều kiện sinh hoạt, học tập cho con.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con chung, để ổn định cuộc sống, không làm xáo trộn môi trường sống của cháu C, cần chấp nhận nguyện vọng của anh N và chị T về việc nuôi con chung. Giao cháu C cho anh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**[4] Về tài sản chung và công nợ:** Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

**[5] Về án phí:** Anh Trần Văn N là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**[6] Quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Áp dụng:**

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 3 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

**Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” của anh Trần Văn N đối với chị Vũ Thị T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử anh Trần Văn N và chị Vũ Thị T ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Trần Thu C – Sinh ngày: 28/8/2018 cho anh Trần Văn N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu C trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 15/5/2023. Chị Vũ Thị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Vũ Thị T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Anh Trần Văn N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0002459 ngày 21 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Anh Trần Văn N đã nộp đủ tiền án phí*).

5. Quyền kháng cáo: Anh Trần Văn N và chị Vũ Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện S;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện S;
- Ủy ban nhân dân xã V;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Việt Cường**